

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 68/2022/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 508/SZB-KT ngày 09 tháng 11 năm 2023 của Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình về việc chỉnh sửa, bổ sung và hoàn thiện báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường cơ sở Khu công nghiệp Thanh Phú, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Kiểm soát ô nhiễm môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình, địa chỉ tại số 1, đường 3A, Khu công nghiệp Biên Hòa 2, phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Khu công nghiệp Thanh Phú (giai đoạn 01) có địa chỉ tại xã Thanh Phú, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai, với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Khu công nghiệp Thanh Phú.

1.2. Địa điểm hoạt động: xã Thanh Phú, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư điều chỉnh số 47221000359 do Ban Quản lý Khu công nghiệp Đồng Nai cấp chứng nhận lần đầu ngày 03/01/2008, chứng nhận thay đổi lần thứ nhất ngày 10/9/2013. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần mã số doanh nghiệp 3601867699 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp, đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 7 năm 2009, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 06 tháng 5 năm 2022.

1.4. Mã số thuế: 3601867699.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Khu công nghiệp, gồm các ngành, nghề được phân loại theo Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg ngày 06 tháng 7 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam bao gồm:

Tên ngành, nghề được thu hút đầu tư	Mã ngành kinh tế Việt Nam				
	Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5
Sản xuất, chế biến thực phẩm	C	10			
Chế biến nông sản, nông dược, thực phẩm			103		
Sản xuất thức ăn gia súc gia cầm			108		
Sản xuất đồ uống	C	11			
Ngành dệt	C	13			
Sản xuất trang phục (may mặc)	C	14			

Tên ngành, nghề được thu hút đầu tư	Mã ngành kinh tế Việt Nam				
	Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5
Sản xuất vali, túi xách... (hàng tiêu dùng)	C	15			
Sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn, ghế); sản xuất sản phẩm từ rơm, rạ và vật liệu bện (đồ gỗ)	C	16	162		
Sản xuất bao bì bằng gỗ				1623	
Sản xuất giấy và các sản phẩm từ giấy	C	17	170		
Sản xuất giấy, bìa (hàng tiêu dùng)				1701	
Sản xuất hóa chất cơ bản, phân bón và hợp chất nitơ	C	20			
Sản xuất phân bón			201	2012	
Sản xuất sản phẩm nhựa nguyên sinh				2013	20131
Sản xuất mỹ phẩm			202	2023	
Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu	C	21			
Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic (sản xuất sản phẩm từ nhựa, nhựa gia dụng...)	C	22			
Sản xuất sản phẩm từ plastic			222		
Công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng, khai thác vật liệu xây dựng, sản xuất công bê tông đúc sẵn, bê tông tươi xây dựng	C	23			
Sản xuất thép xây dựng	C	24			
Sản xuất các sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (cơ khí chính xác)	C	25			
Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học (chủ yếu là lắp ráp điện tử)	C	26			
Sản xuất thiết bị điện	C	27			
Sản xuất pin năng lượng mặt trời			272		
Sản xuất máy móc, thiết bị chưa được phân vào đâu (đồ gia dụng)	C	28			
Ngành sản xuất lắp ráp ô tô. Sản xuất lắp ráp chế tạo xe và phụ tùng các loại xe ô tô, xe máy, xe đạp	C	29			
Lắp ráp xe đạp, xe máy, các phương tiện vận tải chuyên dụng	C	30	309		
Sản xuất giường, tủ, bàn ghế (đồ gia dụng)	C	31			
Sản xuất thiết bị y tế	C	32	325		
Sản xuất điện	D	35	351	3511	
Điện gió					35115
Điện mặt trời					35116
Điện khác					35119
<i>*Ghi chú: các ngành nghề thu hút đầu tư không có công đoạn xi mạ, không có công đoạn nhuộm, giặt mài hoặc nấu sợi.</i>					

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Cơ sở có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm I theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.
- Quy mô: cơ sở có tiêu chí như dự án nhóm A (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).
- Tổng diện tích: 177,2 ha.

- + Giai đoạn 01: 132,37 ha (đã hoàn thành hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường).
- + Giai đoạn 02: 44,83 ha (chưa hoàn thành hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường).

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

- 2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.
- 2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.
- 2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.
- 2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.
2. Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình có trách nhiệm:
 - 2.1. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.
 - 2.2. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.
 - 2.3. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.
 - 2.4. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 07 năm.

(từ ngày tháng năm 2023 đến ngày tháng năm 2030).

Các giấy phép môi trường thành phần (là Giấy xác nhận số 108/GXN-BTNMT ngày 25 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 313/GP-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai) hết hiệu lực kể từ ngày giấy phép môi trường này có hiệu lực.

Điều 4. Giao Cục Kiểm soát ô nhiễm môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Bộ trưởng (để báo cáo);
- UBND tỉnh Đồng Nai;
- Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai;
- Ban Quản lý Khu công nghiệp Đồng Nai;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ TN&MT;
- Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình;
- VP Tiếp nhận & TKQGQTTHC, Bộ TN&MT;
- Lưu: VT, KSONMT, HHa (15).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Võ Tuấn Nhân

Phụ lục 1

**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BTNMT ngày tháng năm 2023
của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:**1. Nguồn phát sinh nước thải:**

- Nguồn số 01: nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu vệ sinh của nhà điều hành hệ thống xử lý nước thải tập trung.
- Nguồn số 02: nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất phát sinh từ các doanh nghiệp thứ cấp trong khu công nghiệp.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:**2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải:**

Suối Vũng Vọng sau đó chảy vào nguồn tiếp nhận cuối cùng là sông Đồng Nai đoạn thuộc xã Thạnh Phú, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Suối Vũng Vọng thuộc xã Thạnh Phú, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.
- Tọa độ vị trí xả nước thải (theo tọa độ VN2000, kinh tuyến 107°45' múi chiều 3°: X = 1217277, Y = 400617.
- Điểm xả thải có tọa độ, biển báo thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 500 m³/ngày.**2.3.1. Phương thức xả nước thải:**

- Tự chảy (nước thải sau xử lý từ trạm xử lý nước thải tập trung theo mương dẫn nước thải chảy vào tuyến cống thoát nước của Khu công nghiệp ra suối Vũng Vọng sau đó chảy ra nguồn tiếp nhận cuối cùng là sông Đồng Nai đoạn thuộc xã Thạnh Phú, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai).

- Hình thức xả: xả mặt, xả ven bờ.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: liên tục (24 giờ).

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột A với hệ số $K_q = 1,2$ và $K_f = 1,1$), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Nhiệt độ	°C	40	03 tháng/lần	Hoàn thành lắp đặt chậm nhất là ngày 31 tháng 12 năm 2023
2	pH	-	6,0 – 9,0		
3	COD	mg/l	99		
4	TSS	mg/l	66		
5	Amoni	mg/l	6,6		
6	Độ màu	Pt-Co	50		Không yêu

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
7	Tổng Xianua	mg/l	0,0924	03 tháng/lần	cầu
8	Kẽm (Zn)	mg/l	3,96		
9	Đồng (Cu)	mg/l	2,64		
10	Asen (As)	mg/l	0,066		
11	Cadimi (Cd)	mg/l	0,066		
12	Tổng Nitơ	mg/l	26,4		
13	BOD ₅ (20°C)	mg/l	39,6		
14	Thủy ngân (Hg)	mg/l	0,0066		
15	Chì (Pb)	mg/l	0,132		
16	Crom hóa trị VI (Cr ⁶⁺)	mg/l	0,066		
17	Crom hóa trị III (Cr ³⁺)	mg/l	0,264		
18	Niken (Ni)	mg/l	0,264		
19	Mangan (Mn)	mg/l	0,66		
20	Sắt (Fe)	mg/l	1,32		
21	Tổng phenol	mg/l	0,132		
22	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	6,6		
23	Sunfua	mg/l	0,264		
24	Florua	mg/l	6,6		
25	Tổng P (tính theo P)	mg/l	5,28		
26	Clorua (Cl ⁻)	mg/l	660		
27	Clo dư	mg/l	1,32		
28	Coliform	MPN 100ml	3.000		
29	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	0,1		
30	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	1,0		
31	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ	mg/l	0,066	01 năm/lần	Không yêu cầu
32	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật photpho hữu cơ	mg/l	0,396		
33	Tổng PCBs	mg/l	0,00396		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về trạm xử lý nước thải tập trung:

- Nước thải sinh hoạt (nguồn số 01) là nước đen qua bể tự hoại (01 bể tự hoại có thể tích 13,5 m³) sau đó đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất thiết kế 500 m³/ngày để xử lý.

- Nước thải từ các doanh nghiệp thứ cấp (nguồn số 02) được xử lý sơ bộ để đạt giới hạn tiếp nhận nước thải của Khu công nghiệp Thạnh Phú trước khi chảy về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất thiết kế 500 m³/ngày để xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

Đã xây dựng 01 hệ thống xử lý nước thải tập trung có công suất thiết kế 500 m³/ngày.đêm:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: nước thải → Bể thu gom → Bể tách dầu → Bể điều hòa → Bể keo tụ → Bể tạo bông → Bể lắng hóa lý → Bể trung hòa → Bể Aerotank → Bể lắng sinh học → Hồ hoàn thiện → Bể khử trùng → Nguồn tiếp nhận là suối Vũng Vọng chảy ra sông Đồng Nai.

- Hóa chất sử dụng: NaOH (32%), Polymer Anion, hóa chất khử trùng Javen 10% (NaOCl) và Chlorine 70% (Ca(OCl)₂), Phèn nhôm (KAl(SO₄)₂. 12H₂O), Polymer khác (chất khử màu BWD – 01), chất dinh dưỡng – mật rỉ (hoặc các hóa chất khác tương đương đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Phải lắp đặt hệ thống quan trắc tự động, liên tục (có camera theo dõi và thiết bị lấy mẫu tự động) theo quy định và kết nối, truyền số liệu trực tiếp về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai chậm nhất là ngày 31 tháng 12 năm 2023, cụ thể:

- Vị trí lắp đặt: bể chứa nước thải sau xử lý.
- Thông số quan trắc lắp đặt: lưu lượng (đầu vào, đầu ra), nhiệt độ, pH, COD, TSS, amoni.
- Thiết bị lấy mẫu tự động lắp đặt: 01 bộ.
- Camera theo dõi: phải lắp camera theo dõi, giám sát.
- Kết nối, truyền số liệu: dữ liệu phải được truyền về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai để theo dõi, giám sát theo quy định.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

1.4.1. Công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

Đã xây dựng 01 hồ ứng phó sự cố tổng dung tích thiết kế 1.672 m³, đảm bảo lưu chứa toàn bộ nước thải trong trường hợp hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố.

1.4.2. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Trường hợp nước thải vượt quy chuẩn trong điều kiện hệ thống xử lý nước thải tập trung hoạt động bình thường: công nhân vận hành khóa van xả ra môi trường rồi mở van hồi lưu để nước thải sau xử lý có chất lượng chưa đạt quy chuẩn xả thải vào hồ sự cố. Đồng thời dừng bơm cấp nước thải đầu vào hệ thống xử lý nước thải tập trung. Nước thải từ hồ sự cố được bơm về bể thu gom nước thải của hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý.

- Trường hợp thiết bị của hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố, cần dừng tạm thời để sửa chữa/thay thế: công nhân vận hành khóa van từ bể thu gom, mở van để dẫn nước thải về Hồ sự cố. Sau khi khắc phục xong nước thải được bơm trở lại bể thu gom của hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý.

- Kiểm soát chất lượng nước thải đầu vào từ các doanh nghiệp thứ cấp: thường xuyên

kiểm tra việc xả thải các doanh nghiệp thông qua các hồ ga nước thải được đặt ngoài hàng rào của doanh nghiệp; lập danh sách các doanh nghiệp có nguy cơ gây ô nhiễm, định kỳ lấy mẫu kiểm tra nước thải các doanh nghiệp này.

- Lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục để giám sát nước thải sau xử lý của hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp; bố trí cán bộ phụ trách về môi trường được đào tạo, chuyển giao kỹ thuật vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung, ứng phó sự cố.

- Định kỳ hàng năm tiến hành duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Thực hiện kiểm tra, giám sát hệ thống thu gom nước thải, thoát nước thải sau xử lý để phòng ngừa tình trạng tắc nghẽn hệ thống.

1.5. Giới hạn tiếp nhận nước thải đầu vào hệ thống xử lý nước thải tập trung:

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép
1	pH	-	5 -10
2	Màu	Pt-Co	50
3	BOD ₅ (20°C)	mg/l	200
4	COD	mg/l	300
5	Chất rắn lơ lửng	mg/l	200
6	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	10
7	Tổng photpho	mg/l	6
8	Tổng Nitơ	mg/l	30
9	Amoniac (tính theo Nitơ)	mg/l	10
10	Sulfua (S ²⁻)	mg/l	0,264
11	Nhiệt độ	°C	45
12	Asen (As)	mg/l	0,066
13	Thủy ngân (Hg)	mg/l	0,0066
14	Chì (Pb)	mg/l	0,132
15	Cadimi (Cd)	mg/l	0,066
16	Crom (VI)	mg/l	0,066
17	Crom (III)	mg/l	0,264
18	Đồng (Cu)	mg/l	2,64
19	Kẽm (Zn)	mg/l	3,96
20	Niken (Ni)	mg/l	0,264
21	Mangan (Mn)	mg/l	0,66
22	Sắt (Fe)	mg/l	1,32
23	Tổng xianua	mg/l	0,0924
24	Tổng phenol	mg/l	0,132
25	Clo dư	mg/l	1,32
26	Florua (F ⁻)	mg/l	6,6
27	Clorua (Cl ⁻)	mg/l	660
28	Coliform	MPN/ 100ml	KGH
29	Tổng PCB	mg/l	0,00396
30	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ	mg/l	0,066
31	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật photpho hữu cơ	mg/l	0,396
32	Tổng hoạt độ phóng xạ α	mg/l	0,1
33	Tổng hoạt độ phóng xạ β	mg/l	1

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không thuộc đối tượng.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của khu công nghiệp, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Hệ thống thu gom và thoát nước mưa, thu gom và thoát nước thải phải thường xuyên được nạo vét, duy tu, bảo dưỡng định kỳ để đảm bảo luôn trong điều kiện vận hành bình thường. Hệ thống thu gom và thoát nước mưa phải có hố ga lắng cặn, tách váng dầu trước khi xả vào hệ thống thoát nước mưa chung của khu vực, đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và vệ sinh môi trường trong quá trình hoạt động của khu công nghiệp.

3.3. Đảm bảo xây dựng hoàn thiện hệ thống thu gom nước thải của khu công nghiệp để thu gom nước thải của các cơ sở thứ cấp với tính chất ô nhiễm khác nhau và thực hiện xử lý nước thải tại các hệ thống xử lý nước thải.

3.4. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải. Việc vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung phải có nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các nội dung: lưu lượng (đầu vào, đầu ra), các thông số đặc trưng của nước thải đầu vào và đầu ra (nếu có); lượng điện tiêu thụ; loại và lượng hóa chất sử dụng, bùn thải phát sinh; nhật ký vận hành viết bằng tiếng Việt và lưu giữ tối thiểu 02 năm.

3.5. Nghiêm túc thực hiện, hoàn thành việc lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục bao gồm các thông số quy định tại Phụ lục XXVIII Nghị định 08/2022/NĐ-CP; bảo đảm thời hạn phải hoàn thành việc lắp đặt trước ngày 31 ngày 12 năm 2023 theo đúng cam kết của chủ cơ sở tại Văn bản số 450/SZB-KT ngày 13 tháng 10 năm 2023; báo cáo kết quả thực hiện về Bộ Tài nguyên và Môi trường sau khi hoàn thành.

3.6. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

Phụ lục 2

**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BTNMT ngày tháng năm 2023
của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: cụm máy thổi khí của nhà đặt máy thổi khí
- Nguồn số 02: khu vực đặt máy phát điện dự phòng của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

Theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 107°45' múi chiều 3°

TT	Tên nguồn thải	Tọa độ vị trí X	Tọa độ vị trí Y
1	Cụm máy thổi khí	1218148	728675
2	Máy phát điện dự phòng	1218153	728668

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- 1.1. Sử dụng đệm cao su chống ồn được lắp tại chân của máy móc thiết bị.
- 1.2. Kiểm tra sự cân bằng của máy khi lắp đặt. Kiểm tra độ mòn chi tiết định kỳ.
- 1.3. Định kỳ kiểm tra, bôi trơn và bảo dưỡng máy móc, thiết bị.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- 2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.
- 2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục 3**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,****PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số/GPMT-BTNMT ngày tháng năm 2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:****1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:**

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Hộp mực in thải	08 02 04	2
2	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	4
3	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	21
4	Chất hấp phụ, vật liệu lọc, giặt lau, vải bảo vệ nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	4
	Tổng khối lượng		31

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải công nghiệp phải kiểm soát:

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải công nghiệp, bùn nạo vét định kỳ từ các hố ga của hệ thống thu gom nước thải	12 06 05	10.000
	Tổng		10.000

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh (trừ chất thải được tái sử dụng, sử dụng trực tiếp làm nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu cho hoạt động sản xuất (kí hiệu là TT-R): hoạt động quản lý vận hành khu công nghiệp không phát sinh chất thải rắn công nghiệp thông thường.

1.4. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: 2,3 tấn/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại:**2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:**

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: thùng nhựa có nắp đậy, dung tích 100 lít, được dán nhãn cảnh báo nguy hại; bao bì được dán nhãn cảnh báo nguy hại, được để tại kho lưu chứa.

2.1.2. Kho lưu chứa chất thải nguy hại:

- Kho lưu chứa chất thải nguy hại đặt tại khu vực hệ thống xử lý nước thải tập trung có diện tích 32 m².

- Kho có tường bao, lợp mái, nền chống thấm, có gờ chống tràn, hố thu, bình bọt chữa cháy và có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ bùn thải:

Nhà đặt máy ép bùn có diện tích khoảng 15 m², mái tole, nền bê tông, tường bao xung quanh.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

Thiết bị lưu chứa: 02 thùng nhựa có nắp đậy, dung tích 150 lít, được dán nhãn tại khu vực phát sinh và chuyển giao cho đơn vị có đủ chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý.

2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn sinh hoạt:

- Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu kỹ thuật theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

- Bố trí thiết bị, phương tiện để phân loại tại nguồn, thu gom chất thải rắn sinh hoạt phù hợp với khối lượng, phân loại chất thải phát sinh theo quy định của pháp luật.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

1. Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

Phụ lục 4**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số/GPMT-BTNMT ngày tháng năm 2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG:

1. Đã hoàn thành phần diện tích 132,37 ha trong tổng số 177,2 ha của Dự án “Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng khu công nghiệp Thanh Phú” tại xã Thanh Phú, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai (theo Quyết định số 1684/QĐ-BTNMT ngày 14 tháng 11 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án).

2. Các nội dung tiếp tục thực hiện theo Quyết định số 1684/QĐ-BTNMT nêu trên, cụ thể như sau:

2.1. Xây dựng hệ thống thu gom và thoát nước mưa, thu gom và thoát nước thải sau khi hoàn tất giải phóng mặt bằng theo quy hoạch được duyệt.

2.2. Xây dựng và lắp đặt bổ sung các giai đoạn của hệ thống xử lý nước thải đảm bảo tổng công suất của hệ thống xử lý nước thải tập trung không vượt quá 5.600 m³/ngày đêm theo báo cáo đánh giá tác động môi trường được duyệt.

- Tóm tắt quy trình công nghệ hệ thống xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Thanh Phú các giai đoạn tiếp theo:

+ Giai đoạn 2 (công suất 2.000 m³/ngày): nước thải → Bể thu gom → Bể tách dầu mỡ → Bể điều hòa → Bể keo tụ 1 → Bể tạo bông 1 → Bể lắng hóa lý 1 → Ngăn phân phối → Bể SBR (A/B) → Bể trung gian (bao gồm nước thải giai đoạn 1) → Bể keo tụ 2 → Bể tạo bông 2 → Bể lắng hóa lý 2 → Hồ hoàn thiện → Bể khử trùng → Trạm quan trắc tự động, liên tục → Nguồn tiếp nhận là suối Vũng Vọng chảy ra nguồn tiếp nhận sau cùng là sông Đồng Nai, đoạn thuộc xã Thanh Phú, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

+ Các giai đoạn sau: nước thải → Bể thu gom → Bể tách dầu mỡ → Bể điều hòa → Bể keo tụ 1 → Bể tạo bông 1 → Bể lắng hóa lý 1 → Ngăn phân phối → Bể SBR (A/B) → Bể trung gian → Bể keo tụ 2 → Bể tạo bông 2 → Bể lắng hóa lý 2 → Hồ hoàn thiện → Bể khử trùng → Trạm quan trắc tự động, liên tục → Nguồn tiếp nhận là suối Vũng Vọng chảy ra nguồn tiếp nhận sau cùng là sông Đồng Nai, đoạn xã Thanh Phú, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

- Lắp đặt trạm quan trắc tự động, liên tục đối với nước thải đầu ra gồm các thông số theo phụ lục XVIII Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022; bảo đảm thời hạn phải hoàn thành việc lắp đặt trước 31 tháng 12 năm 2023 theo đúng cam kết của chủ dự án đầu tư tại Văn bản số 450/SZB-KT ngày 13 tháng 10 năm 2023.

2.3. Tiếp tục trồng cây xanh trên phần diện tích còn lại theo quy định.

2.4. Thực hiện công tác bảo vệ môi trường và giám sát môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng các phần diện tích đất còn lại của Dự án, cụ thể như sau:

- Đối với thu gom và xử lý nước thải:

+ Nước thải sinh hoạt phát sinh trên công trường (tại các khu vực xây dựng hạ tầng bảo vệ môi trường giai đoạn tiếp theo) được thu gom đưa về hệ thống xử lý nước thải hiện hữu. Quy trình thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt: nước thải → Nhà vệ sinh di động → Hệ thống xử lý nước thải công suất 500 m³/ngày đêm đã hoàn thiện.

+ Nước thải từ hoạt động rửa phương tiện vận chuyển trước khi ra khỏi công trường được thu gom và xử lý bằng phương pháp hố lắng, tách cặn sau đó thoát ra hệ thống thoát nước mưa của khu công nghiệp hiện hữu. Bùn đất, cát tại hố lắng được đào đắp ngay tại công trường. Quy trình thu gom, xử lý nước thải từ hoạt động vệ sinh phương tiện: nước thải → Hố lắng/tách cặn → Hệ thống kênh mương thoát nước trong khu vực.

+ Yêu cầu về bảo vệ môi trường: thu gom toàn bộ lượng nước thải sinh hoạt phát sinh trong giai đoạn chuẩn bị, thi công của Dự án được thu gom đưa về hệ thống xử lý nước thải hiện hữu (hệ thống xử lý nước thải công suất 500 m³/ngày đã được hoàn thiện), đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định.

- Đối với xử lý bụi, khí thải:

+ Tuân thủ các quy định về an toàn lao động khi lập kế hoạch tổ chức thi công như các biện pháp thi công, biện pháp phòng ngừa tai nạn lao động, bố trí kho, bãi nguyên vật liệu.

+ Lập hàng rào bằng tôn xung quanh khu vực công trường thi công; chỉ sử dụng những phương tiện, máy móc được đăng kiểm; phương tiện vận chuyển chở đúng trọng tải quy định; che phủ bạt đối với tất cả các phương tiện chuyên chở nguyên vật liệu, đất thải, phế thải,...; thường xuyên thu dọn đất, cát, vật liệu rơi vãi tại khu vực thi công và đường tiếp cận, đảm bảo thi công tới đâu sạch tới đó; phun nước giảm bụi, thu gom chất thải rơi vãi trên công trường; lắp đặt hệ thống rửa phương tiện tại công trường, tất cả các xe đều được rửa sạch bùn đất trước khi ra khỏi công trường.

+ Thường xuyên tưới nước tạo độ ẩm tại những khu vực phát sinh nhiều bụi.

+ Yêu cầu về bảo vệ môi trường: đáp ứng các điều kiện về vệ sinh môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

- Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường:

+ Thu gom toàn bộ khối lượng đất cát, cây cỏ phát sinh từ hoạt động dọn dẹp mặt bằng và hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định. Tần suất: thường xuyên.

+ Tận dụng một phần đất đá, bê tông, phế liệu,... phát sinh từ hoạt động giải phóng mặt bằng để phục vụ quá trình thi công, xây dựng; phần không sử dụng phải hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định. Tần suất: thường xuyên.

+ Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của cán bộ công nhân viên phục vụ Dự án được thu gom vào các thùng rác có nắp đậy, sau đó chuyển giao cho đơn vị đang thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt Chủ đầu tư tại Khu công nghiệp.

+ Thỏa thuận với chính quyền địa phương về các vị trí đổ thải đất đá thải dư thừa và chỉ được đổ thải sau khi được chính quyền địa phương chấp thuận.

- Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

+ Bố trí các thiết bị chuyên dụng chứa chất thải nguy hại, có nắp đậy và dán nhãn, nhà

thầu thi công hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ đến thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

- Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do nhiễm tiếng ồn, độ rung trong quá trình thi công:

+ Chỉ sử dụng các thiết bị thi công đạt tiêu chuẩn, đã được đăng kiểm theo quy định; các thiết bị thi công được lắp thiết bị giảm thanh và được kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ thường xuyên; bố trí nhân sự tại các chốt để điều tiết giao thông trong phạm vi khu công nghiệp; yêu cầu các phương tiện phải tắt máy khi dừng đỗ trong phạm vi khu công nghiệp.

+ Trồng cây xanh đảm bảo diện tích tối thiểu theo quy định.

2.5. Các biện pháp khác trong giai đoạn thi công xây dựng các phần diện tích đất còn lại của Dự án, cụ thể như sau:

- Biện pháp giảm thiểu tác động đến giao thông trong giai đoạn thi công: xây dựng phương án tổ chức thi công, đảm bảo an toàn giao thông công cộng cũng như an toàn cho các nhà máy đã đi vào hoạt động tại Khu công nghiệp trong quá trình thi công, dựng hàng rào trong phạm vi không gian và thời gian cho phép.

- Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy phạm kỹ thuật và các quy định của pháp luật hiện hành trong quá trình thi công xây dựng các hạng mục công trình của Dự án; đảm bảo quy hoạch đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

- Áp dụng các biện pháp kỹ thuật, quản lý và tổ chức thi công phù hợp để hạn chế tối đa các tác động bất lợi đến hệ sinh thái, cảnh quan, môi trường, nhà đầu tư thứ cấp đang hoạt động hoặc đang xây dựng và các hoạt động kinh tế dân sinh khác khu vực Dự án trong quá trình thi công xây dựng.

- Lập kế hoạch cụ thể, chi tiết và thực hiện nghiêm túc các biện pháp quản lý và kỹ thuật để phòng ngừa, ứng phó các sự cố tai nạn lao động, ngập lụt, cháy, nổ và các rủi ro và sự cố môi trường khác trong giai đoạn thi công và vận hành Dự án; chủ động phòng ngừa, ứng phó với các điều kiện thời tiết cực đoan để đảm bảo an toàn cho người, phương tiện, nhà đầu tư thứ cấp đang xây dựng hoặc đang hoạt động và các công trình khu vực Dự án.

3. Sau khi hoàn thành các hạng mục trên, Công ty có trách nhiệm báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường để được xem xét cấp giấy phép môi trường theo quy định của pháp luật.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Khí thải phát sinh từ máy phát điện dự phòng (công suất 70 kVA, nhiên liệu sử dụng là dầu DO), chỉ sử dụng gián đoạn trong các trường hợp mất điện, không yêu cầu phải có hệ thống xử lý khí thải, nhưng nhiên liệu dầu DO sử dụng phải đáp ứng yêu cầu về chất lượng theo quy định pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

3. Nước thải được quản lý để giảm khai thác, tăng cường hiệu quả sử dụng tài nguyên nước, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.

4. Bố trí nhân sự phụ trách về bảo vệ môi trường được đào tạo chuyên ngành môi trường hoặc lĩnh vực phù hợp theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường. Ban hành quy chế về bảo vệ môi trường của khu công nghiệp theo quy định của pháp luật.

5. Việc thu hút, sắp xếp, bố trí các dự án đầu tư, cơ sở thứ cấp theo ngành nghề thu hút đầu tư trong khu công nghiệp phải bảo đảm thực hiện theo đúng quy hoạch phân khu chức năng của khu công nghiệp được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

6. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

7. Đền bù, khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố môi trường trong quá trình thực hiện Dự án theo quy định của pháp luật.

8. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.